**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN KIÊN LƯƠNG**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 10/2019/DS-ST**
**Ngày: 31/01/2019**
***"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"***

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

**Với thành phần Hội Đồng Xét Xử Sơ Thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thủy**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Dương Sơn**

2. Ông **Trương Thanh Giảng**

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà **Nguyễn Thị Ý** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:* Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

**N**gày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án Nhân Dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2018/TLST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2018 về: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐST - DS, ngày 16 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phùng Đ K** – sinh năm: 1959 (có mặt)
Địa chỉ: Hẻm 11, Tổ 8, khu phố A, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị H** – sinh năm: 1965 (vắng)
Địa chỉ: Hẻm 11, Tổ 8, khu phố A, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2018 và các lời khai tại tòa án ông Phùng Đ K trình bày như sau:*** giữa ông với bà Trần Thị H là chỗ quen biết ông có cho bà H vay tiền nhiều lần đến ngày 10/01/2017 hai bên viết biên nhận tổng số tiền 10.000.000đ trong mỗi lần vay có thỏa thuận lãi 5%/tháng/số tiền vay nhưng bà H đóng lãi không đầy đủ đến nay ông không nhớ số tiền lãi mà bà H đã đóng nay ông yêu cầu bà H trả số tiền 10.000.000đ và tính lãi suất 1%/tháng từ ngày 01/1/2018 đến ngày xét xử.

***Theo bản tự khai bà Trần Thị H trình bày:*** bà với ông Phùng Đ K là hàng xóm quen biết nhau bà có hỏi vay tiền của ông K nhiều lần, bắt đầu vay từ năm 2015 đến ngày 10/01/2017 thì chốt nợ viết biên nhận 10.000.000đ mỗi lần vay đều có thỏa thuận lãi suất 10%/tháng/số tiền vay bà có thực hiện đóng tiền lãi cho ông K đến hết năm 2017 thì ngưng, quá trình vay mượn bà có vay rồi trả rồi tiếp tục vay lại nhiều lần nên bà không nhớ rõ số tiền của từng lần vay và do thời gian lâu bà không nhớ số tiền lãi bà đã đóng là bao nhiêu, nay ông K khởi kiện số tiền 10.000.000đ bà đồng ý trả mỗi tháng 200.000đ cho đến hết nợ nhưng xin không tính lãi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: ông Phùng Đ K yêu cầu bà Trần Thị H trả nợ vay, các bên đương sự đều có địa chỉ cư trú tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự  xác định đây là vụ kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương.

Đối với bị đơn được tòa án tống đạt hợp lệ hai lần xét xử đều vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ kiện, ông K khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 10.000.000đ và có cung cấp chứng cứ chứng minh là Giấy biên nhận đề ngày 10/01/2017 do bà H ký tên có nội dung bà H vay số tiền 10.000.000đ vay trong một năm sẽ trả. Trong khi đó bà H khai và thừa nhận Biên nhận do ông K cung cấp là do bà H ký tên, số tiền vay thực tế 10.000.000đ là vay nhiều lần kéo dài từ năm 2015 đến năm 2017 trong đó có vay rồi trả rồi tiếp tục vay lại vì vậy bà không nhớ rõ số tiền của từng lần vay, qua đó bà H xin trả gốc 10.000.000đ và trả 200.000đ/tháng, phần tiền lãi xin không phải trả.

Xét yêu cầu của ông K là có cơ sở chấp nhận. Bởi ông K khởi kiện có cung cấp chứng cứ chứng minh là Biên nhận nợ đề ngày 10/01/2017 vay 10.000.000đ, việc này bà H cũng thừa nhận Biên nhận do bà ký nên bà H phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông K. Việc bà H cho rằng trước đó đã trả lãi nhiều cho ông K nhưng không nhớ rõ bao nhiêu, lời khai này của bà H nêu ra nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh và ông K cũng không thừa nhận, nên không có cơ sở xem xét. Từ đó xác định việc vay mượn tiền giữa ông K với bà H là có thật, do bà H vi phạm nghĩa vụ nên ông K khởi kiện yêu cầu trả tiền là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

***Điều 463 Bộ luật dân sự 1015 quy định:****"Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tiền cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định"*

***Tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định:*** *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."*

Theo đơn kiện và tại phiên tòa ông K yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng/10.000.000đ từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận, nên bà H phải chịu lãi kể từ ngày vi phạm cam kết trả nợ, điều này không trái với quy định của Bộ luật dân sự 2015.

Thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/01/2019 là 13 tháng, lãi suất tính như sau: (10.000.000đ x 13 tháng x 1%/tháng ) = 1.300.000đ.

Như vậy số tiền bà H phải có nghĩa vụ trả cho ông K bao gồm tiền gốc và lãi tổng cộng là 11.300.000đ, trong đó gốc 10.000.000đ, lãi 1.300.000đ.

Việc bà H xin trả chậm 200.000đ/tháng, trong khi ông K không chấp nhận, việc này là thuộc thẩm quyền xem xét của Cơ quan thi hành án sau khi án có hiệu lực pháp luật, nên không xét.

[3] Về án phí: bà H bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả nợ; ông K khởi kiện được chấp nhận nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí.

***Vì caùc leõ treân;***

## QUYEÁT ÑÒNH

**1.** Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự và các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

**2.** Xử buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Phùng Đ K số tiền **11.300.000đ** ***(Mười một triệu ba trăm ngàn đồng)***. Trong đó tiền gốc 10.000.000đ, tiền lãi 1.300.000đ.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu phía bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 565.000đ.

Ông Phùng Đức K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo lai thu số 0007682 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

**4**. Quyền kháng cáo: Ông Phùng Đ K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/01/2019), bàTrần Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ.
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**